

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/ HNGĐ - ST

Ngày: 07/6/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung

Các Hội thẩm nhân dân:- Ông Trần Hưng Sơn

- Bà Thái Thị Thủy Tiên

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 54/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

- *Bị đơn:* anh Trần Văn Q, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Trần Văn T2, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 0/7/2 ấp 2, xã Xuân Đường, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: chị và anh Trần Văn Q tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình vào năm 1999. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh Q không có trách nhiệm với gia đình, anh Q bài bạc, thường xuyên uống rượu chè chửi bới vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Vợ chồng đã ly thân đến nay khoảng 02 năm. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: có 04 con chung: Trần Văn T1, sinh năm 1999; Trần Văn T2, sinh năm 2002, Trần Trung K, sinh ngày 12/8/2014 và Trần Nguyễn Hồng N, sinh ngày 16/6/2018. Hiện nay, hai cháu T2 và T1 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: không có.
- Về nợ chung: không có.

Nay chị yêu cầu: Xin ly hôn; Về con chung: yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồng N và Trung K và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng/cháu; tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Trần Văn Q trình bày: Anh thống nhất với chị H về cơ sở kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn vì tôi không muốn xa vợ xa con. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì về con chung: đồng ý giao cháu Hồng N và Trung K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng/cháu; tài sản chung, nợ chung: không có.

* Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: cho chị H ly hôn anh Q; giao 02 cháu Hồng N và Trung K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh Q cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000 đồng/tháng/cháu; tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Q và giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Q nên chị H là nguyên đơn, còn anh Q là bị đơn trong vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 28/5/2021 và lần thứ hai vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 07/6/2021 nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh Q và chị H kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo chị H sau khi kết hôn là vợ chồng mâu thuẫn nhưng anh Quang cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2018. Cả anh chị đều thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Q không có trách nhiệm với gia đình, anh Q bài bạc, thường xuyên uống rượu chè chửi bới vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Vợ

chồng đã ly thân đến nay khoảng 02 năm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị H ly hôn anh Q.

[5] Về con chung: chị H và anh Q thống nhất giao 02 cháu Hồng N và Trung K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thỏa thuận của anh chị là tự nguyện nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000 đồng/tháng/ cháu và anh Q có ý kiến nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 cháu Hồng N và Trung K với mức 1.000.000 đồng/tháng. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị H về cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không có ai có đơn yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không xem xét.

[8] Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[9] Xét thấy quan điểm của đại diện VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp thuận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các điều 40, 44, 45 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hương.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trần Văn Q.

- Về con chung: giao các cháu Trần Trung Kiên, sinh ngày 12/8/2014 và Trần Nguyễn Hồng N, sinh ngày 16/6/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Trần Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 (Một triệu) đồng/cháu. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh Q, chị H được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết

- Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí mà chị Hoàng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0009120 ngày 13/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Văn Q phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã Thanh Thủy;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Trung